TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 83/2020/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Phúc Định
Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Dung và bà Vũ Thị Xuyến
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 77/QĐXXST-HS ngày 07/8/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn M**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/10/1974 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 45B, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1933 và bà Trần Thị L, sinh năm 1940; có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1975; có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001; đều trú tại: tổ 45B, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/11/1992, bị Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (*nay là thành phố Uông Bí*) xử phạt 18 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản của công dân*". Ngày 15/02/1994, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương; bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 24/4/2020 đến ngày 23/8/2020, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn Q**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 09/10/1984 tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1957 và bà Trần Thị T, sinh năm 1960; có vợ là Đinh Thị S, sinh năm 1987; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; đều trú tại: tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 24/4/2020 đến ngày 23/8/2020, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Xuân N**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 25/5/1983 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 8, khu 7, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1944 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1950; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 24/4/2020 đến ngày 23/8/2020, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Hoàng Văn V**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 02/6/1960 tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: tổ 7, khu 02, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn M, (đã chết) và bà Phạm Thị D, (đã chết); có vợ là Vương Thị N, sinh năm 1968; có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990; đều trú tại: tổ 7, khu 02, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 24/4/2020 đến ngày 23/8/2020, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh **Hà Văn G**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 13B, khu 4, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Tổ 45B, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 2 khu 9, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Tổ 13B, khu 4, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 45B, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà **Hoàng Thị Minh C**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

10. Cháu **Vương Thị M**, sinh năm 2006. Đại diện hợp pháp của cháu M là Anh Vương Văn T và Chị Hoàng Thị T. Cùng nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến:

1. Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Tổ 44C, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh **Vương Văn T**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/4/2020, anh Vương Văn T (*sinh năm 1970; trú tại tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố Uông Bí*) làm cơm giỗ, mời bạn bè, họ hàng đến nhà mình chơi. Trong đó có Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N, Trần Văn M và Hoàng Văn V cùng với một số người khác. Sau khi ăn uống xong, vợ chồng anh T đi ngủ trong phòng, một số người đi về, Q, N, M và V cùng một số người khác ngồi chơi tại phòng khách của gia đình anh T. Thấy có sẵn bài tú lơ khơ, bài chắn ở phòng khách (*do anh T bán tạp hóa*) nên những người này rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền, đồng thời tự chia ra thành 03 chiếu bạc, trong đó, Q, N, M và V chơi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn, được thua bằng tiền. Cả bọn ngồi xuống thảm trải sẵn ở nền nhà, lấy hai bộ bài chắn rồi nhờ cháu Vương Thị M, sinh năm 2006 là con anh T chia bài hộ, thống nhất trả cho cháu M 80.000 đồng/1 giờ. Luật chơi như sau: Sử dụng bộ bài chắn 100 quân gồm các lá bài số nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, mỗi số bài có các chất vạn, văn, sách, riêng bài số nhất có thêm một chất, mỗi lá bài có bốn lá giống nhau về cả số bài và chất bài. 100 lá bài trên được chia thành 05 phần gồm 19 lá bài, thừa 05 lá bài để riêng. Sau đó, người thắng ván trước lấy 01 lá bài trong 05 lá để riêng, cho vào một phần bài để bốc cái, bốn lá còn lại cho vào phần khác để làm nọc. Nọc được cho vào bát sứ, để giữa chiếu để mọi người bốc bài. Sau khi bốc cái, người có cái lấy phần bài bốc cái, những người khác lấy phần bài tương ứng với vị trí ngồi so với người bốc cái. Người được bốc cái là người đánh trước, theo chiều ngược chiều kim đồng hồ. Người lượt chơi dưới không ăn bài thì bốc bài, nếu vẫn không ăn thì người dưới có thể ăn cây bài bốc và đánh 01 cây bài khác cho người chơi lượt tiếp theo. Người ù sẽ giành phần thắng, những người chơi còn lại trả tiền tương ứng với cước ù. Bài ù là các chắn và cạ, không có quân bài lẻ, số chắn lớn hơn hoặc bằng 06 chắn. Chắn là 02 lá giống nhau về số và chất, cạ là 02 lá giống nhau về số nhưng khác chất. Trước khi ù, bài có 19 lá bài, gồm 05 chắn hoặc hơn và các cạ, chỉ lẻ một cây chờ ù, khi bốc lên cây đó sẽ ù.

Cả bọn thống nhất số tiền đánh bạc chia làm các mức: ù suông, ù tôm, ù lèo, ù chi, ù bạch định hoặc ù tám đỏ, với mỗi mức ù, 03 người thua phải mất cho người thắng số tiền tương ứng là 40.000 đồng, 60.000 đồng, 80.000 đồng và 100.000 đồng. Ngoài ra, về số tiền bỏ ra để đánh bạc, các đối tượng khai Q bỏ ra 2.000.000 đồng, N bỏ ra 2.000.000 đồng, M bỏ ra 1.600.000 đồng và V bỏ ra 1.550.000 đồng.

Cả bọn chơi đánh bạc đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, thì tổ công tác đội Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Uông Bí phát hiện, bắt quả tang. Thu tại chiếu bạc số tiền 7.150.000 đồng (*trong đó có 80.000 đồng là tiền các đối tượng cho người chia bài hộ là cháu Vương Thị M*); 02 bộ bài chắn đang sử dụng

(*01 bộ màu trắng, 01 bộ màu xanh*); 01 đĩa nhựa màu cam đường kính 23cm; 01 đĩa sứ hoa văn màu xanh đường kính 12,5cm; 01 thảm vải màu vàng kích thước (*2,05x1,7*)m. Tạm giữ trên người của các đối tượng số tiền gồm: Hoàng Văn V số tiền 1.500.000 đồng; Trần Văn Q 1.300.000 đồng; Nguyễn Xuân N 3.500.000 đồng.

Ngoài ra, lực lượng Công an còn bắt quả tang 02 chiếu bạc khác, mỗi chiếu gồm 4 đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức đánh lốc và đánh ù phỏm 8 lá được thua bằng tiền, cụ thể:

- Mâm đánh phỏm 8 cây được thua bằng tiền, gồm các đối tượng: Nguyễn Thị Bích L (*sinh năm 1967*), Hà Văn G (*sinh năm 1972*), Nguyễn Văn K (*sinh năm 1957*) và Trần Văn T (*sinh năm 1957*). Thu tại chiếu bạc số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 1.765.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 01 thảm vải màu đỏ, có hoa văn kích thước (*215x187*)cm.

- Mâm đánh bài lốc được thu bằng tiền, gồm các đối tượng: Vũ Thị Ch (*sinh năm 1984*), Nguyễn Thị Bích T (*sinh năm 1966*), Phạm Thị H (*sinh năm 1975*) và Trần Thị T (*sinh năm 1960*). Thu tại chiếu bạc số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 1.286.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 01 tấm thảm vải màu vàng, có hoa văn, kích thước (*230x182*)cm.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V khai nhận hành vi phạm tội như trên. Về số tiền bị thu giữ trên người, các bị cáo khai đây là tiền của cá nhân, không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 72/KSĐT-HS ngày 10/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V về tội: "*Đánh bạc*", theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án, về tội, về tội "*Đánh bạc*"; áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án, về tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 7.150.000đ; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, mỗi bộ bài 100 lá; 01 đĩa nhựa màu hồng; 01 đĩa sứ màu xanh, 01 tấm thảm bằng vải màu vàng; trả lại cho các bị cáo: Hoàng Văn V 1.500.000đ; Nguyễn Xuân N 3.500.000đ; Trần Văn Q 1.300.000đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thấy ăn năn hối cải. Lời nói sau cùng, các bị cáo đã thấy ân hận về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Bích L, anh Hà Văn G, ông Nguyễn Văn K, ông Trần Văn T, chị Vũ Thị C, bà Nguyễn Thị Bích T, chị Phạm Thị H, bà Trần Thị T, bà Hoàng Thị Minh C và cháu Vương Thị M; cùng những người chứng kiến: Ông Phạm Văn Kh, chị Hoàng Thị T, anh Vương Văn T, đều có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V thừa nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện vào ngày 19/4/2020 như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, những người chứng kiến, phù hợp với Biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Các bị cáo khẳng định việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người đúng tội; không oan, sai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 19/4/2020, tại nhà anh Vương Văn Toản thuộc tổ 45A, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.150.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "***Đánh bạc"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của những con bạc, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Cả bốn bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì ham chơi, hám lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của

từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội không có phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, không có bị cáo nào khởi xướng, rủ rê mà các bị cáo bột phát và tự chủ động tham gia, các bị cáo đánh bạc cùng nhau tại nhà anh T, công cụ phương tiện đánh bạc có sẵn, nên đây chỉ là phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Số tiền các bị cáo bỏ ra để sử dụng vào việc đánh bạc không chênh lệch nhau nhiều (*các bị cáo Q và N mỗi người bỏ ra 2.000.000đ; bị cáo M bỏ ra số tiền 1.600.000đ và bị cáo Viên bỏ ra số tiền 1.150.000đ*) thực hiện hành vi phạm tội tích cực ngang nhau, vì vậy các bị cáo có vai trò cơ bản ngang nhau trong vụ án và đồng thời chịu mức hình phạt ngang nhau.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn M sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Minh có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bố già yếu ốm nằm liệt giường, mẹ già yếu không còn khả năng lao động; bố mẹ không có thu nhập, vợ đã bỏ đi khỏi nhà và địa phương từ lâu, các con còn nhỏ, chưa có nghề nghiệp ổn định. Bản thân là lao động chính duy nhất trong gia đình phải chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ già yếu bệnh tật và các con (*có xác nhận của chính quyền địa phương và Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển*), nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo, cần có một hình tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo Q, N, V có nhân thân tốt; bị cáo M thuộc trường hợp được coi là không có án tích (do phạm tội năm 1992, thời điểm bị cáo chưa đủ 18 tuổi, số tiền trộm cắp dưới 2.000.000đ, hiện đã chấp hành xong hình phạt chính và các hình phạt khác). Các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, là lao động chính trong gia đình (riêng bị cáo M là lao động chính duy nhất trong gia đình) và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và giáo dục của gia đình, cũng đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Xét thấy không cần tiếp tục phải áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với các bị cáo, do vậy hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, xét thấy các bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: - Tổng số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam bị thu giữ: 13.450.000đ (*Mười ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); trong đó: (Số tiền thu tại chiếu bạc 7.150.000 đồng (*trong đó có 80.000 đồng là tiền các đối tượng cho người chia bài hộ là cháu Vương Thị M*) là số tiền do các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước; Số tiền tạm giữ trên người của các bị cáo gồm: Hoàng Văn V số tiền 1.500.000 đồng; Trần Văn Q 1.300.000 đồng; Nguyễn Xuân N 3.500.000 đồng, là tiền của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo).

- 02 (hai) bộ bài chắn, mỗi bộ 100 lá bài (01 bộ màu trắng, 01 bộ mầu xanh) đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa nhựa mầu hồng, đường kính 23cm, đã cũ; 01 (một) tấm thảm bằng vải màu vàng có hình hoa văn, kích thước khoảng (205 x 170) cm, đã cũ; toàn bộ vật chứng này các bị cáo dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra, anh Vương Văn T (là chủ sở hữu) không yêu cầu, đề nghị về việc xin lại số tài sản trên, xét thấy, những đồ vật, tài sản này không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng khác đã thu giữ tại chiếu bạc đối với mâm đánh phỏm và mâm đánh lốc cơ quan điều tra đã xử lý nên không đề cập;

[5] Về các tình tiết khác trong vụ án: - Đối với các đối tượng Nguyễn Thị Bích L, Hà Văn G, Nguyễn Văn K, Trần Văn T, Vũ Thị C, Nguyễn Thị Bích T, Phạm Thị H và Trần Thị T tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh lốc và phỏm ù 8 lá, do số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc chưa đến mức xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính các đối tượng trên theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với việc các bị cáo và các đối tượng sử dụng nhà của gia đình anh Vương Văn T để đánh bạc, do vợ chồng anh T không biết sự việc nên không có căn cứ để xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với cháu Vương Thị M có hành vi chia bài cho các bị cáo đánh chắn để lấy tiền công, tuy nhiên cháu Mỹ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không đề cập xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; riêng đối với bị cáo Hoàng Văn V thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án, (*bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm*) nên bị cáo Hoàng Văn V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Văn M**, **Trần Văn Q**, **Nguyễn Xuân N** và **Hoàng Văn V** phạm tội: "***Đánh bạc''***.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn M *06*** (***Sáu***) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là ***12*** (***Mười hai***) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn Q *06*** (***Sáu***) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là ***12*** (***Mười hai***) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân N *06*** (***Sáu***) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là ***12*** (***Mười hai***) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn V *06*** (***Sáu***) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là ***12*** (***Mười hai***) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q và Hoàng Văn V cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và giao bị cáo Nguyễn Xuân N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú các số: 43;44;45;46/2020/HSST- LCĐKNCT, ngày 10 tháng 7 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đối với các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N và Hoàng Văn V từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền thu tại chiếu bạc 7.150.000 đồng (*Bẩy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Trả lại cho các bị cáo số tiền tạm giữ trên người của các bị cáo gồm: Hoàng Văn V 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); Trần Văn Q 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*); Nguyễn Xuân N 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*);

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (*hai*) bộ bài chắn, mỗi bộ 100 lá bài (*01 bộ màu trắng, 01 bộ mầu xanh*) đã qua sử dụng; 01 (*một*) đĩa nhựa mầu hồng, đường kính 23cm, đã cũ; 01 (*một*) tấm thảm bằng vải màu vàng có hình hoa văn, kích thước khoảng (*205 x 170*)cm, đã cũ;

(Toàn bộ số vật chứng, tài sản trên có đặc điểm và tình trạng như Biên bản giao, nhận vật chứng và Bảng kê tiền tang vật hồi 08giờ, 00 phút,ngày 15/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn Q, Nguyễn Xuân N mỗi bị cáo phải nộp 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo Hoàng Văn V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *VKSND TP.Uông Bí;*
- *Công an TP.Uông Bí;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *THADS TP.Uông Bí;*
- *Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu HS; Lưu TA*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phúc Định